

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2018/ DS-PT
Ngày 01-3-2018
*V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh
Các Thẩm phán: Ông Phạm Duy Lam;
Ông Nguyễn Văn Dũng.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thy Thy - Thư ký Tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/ QĐ-PT ngày 01.02 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A. Địa chỉ: Số 02 B – quận C – Hà Nội. Do ông Trần B - Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Gia Lai làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn V và bà Vương T, cùng địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Điều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn A ủy quyền cho Giám đốc ngân hàng A - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Gia Lai kháng cáo.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/7/2017 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng A (Ngân hàng) do ông Trần B và ông Cao Q làm đại diện trình bày:

Ông Nguyễn V bà Vương T thế chấp thửa đất số 49, 63, tờ bản đồ số 81 tại xã I, huyện Đ, Gia Lai (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 601556, do UBND huyện Đ cấp ngày 24/4/2001) cùng với tài sản gắn liền với các thửa đất này cho Ngân

hàng A thông qua Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp số 6603/TC ngày 07/5/2013 để vay tiền.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 01596/HĐTD ngày 29/4/2014 thì ông V và bà T vay của Ngân hàng A Chi nhánh huyện Đ 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng; Lãi suất cho vay: 11.5%/năm (0,9583%/tháng); Lãi suất quá hạn là 17.25%/năm; Ngày giải ngân: 29/4/2014; Thời hạn cho vay: 24 tháng.

Đến ngày 15/01/2015 ông V, bà T trả được nợ lãi 8.014.861đ.

Đến ngày 05/6/2015, ông V và bà T trả nợ lại 8.554.722đ

Và kể từ đó đến nay, vợ chồng ông V, bà T không trả cho Ngân hàng bất kỳ số tiền nào nữa.

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông V, bà T trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh tính theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông V và bà T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay Ngân hàng, đề nghị xử lý tài sản thế chấp để trả nợ vay Ngân hàng.

** Bị đơn, ông Nguyễn V bà Vương T:*

Đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 11/2015 không có tin tức gì. Ngày 26/12/2016, Ngân hàng làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đ, Gia Lai thông báo tìm kiếm ông V, bà T để khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ngày 08/3/2017 Tòa án nhân dân huyện Đ đã Thông báo tìm kiếm ông Nguyễn V, bà Vương T theo quy định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không tìm được ông V và bà T.

Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và triệu tập ông V, bà T tham gia tố tụng trong vụ án một cách hợp lệ, đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông V, bà T đều không có mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai và ý kiến của ông V, bà T.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 157, 158, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng A

1. Buộc ông Nguyễn V trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng A 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh tính theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/10/2017) là 47.066.945 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Tổng cộng là 177.066.945 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông V còn tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Trường hợp ông Nguyễn V không tự nguyện thi hành án thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 49, 63, tờ bản đồ số 81 tại xã I, huyện Đ, Gia Lai và tài sản gắn liền với 02 thửa đất này theo Hợp đồng thế chấp số 6603/TC ngày 07/5/2013 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng A chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân A đã nộp đủ.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn V chịu 8.853.347 đồng (Tám triệu tám trăm năm mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án sơ thẩm được tuyên:

Ngày 20 tháng 10 năm 2017 nguyên đơn Ngân hàng A thông qua Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Gia Lai có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc vợ chồng ông Nguyễn V và bà Vương T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 177.066.945 (trong đó nợ gốc 130.000.000đ, nợ lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/10/201) là 47.066.945đ);

Ngày 03 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân nhân dân tỉnh Gia Lai có kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung:

Theo hợp đồng tín dụng số: 01596/ HĐTD ngày 29/4/2014 thì ông Nguyễn V đại diện cho hộ gia đình vay vốn để chăm sóc 3 ha điều + 500 trụ tiêu; hộ gia đình ông V không có đăng ký kinh doanh, vay không vì mục đích lợi nhuận. Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về kinh doanh thương mại là không đúng;

Theo hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn có tên là Ngân hàng A, nhưng tòa sơ thẩm xác định tên của nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng A là không chính xác gây khó khăn cho công tác thi hành án;

Tài sản thế chấp mang tên hộ gia đình ông Nguyễn V và bà Vương T (nhận chuyển nhượng của hộ ông Bùi H vào ngày 12/5/2009). Hộ ông V, bà T có các con là anh Nguyễn K, sinh năm 1993, chị Nguyễn D, sinh năm 1995. Nhưng quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để đưa anh K và chị D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi cho họ là vi phạm thủ tục tố tụng; Tại giấy đề nghị vay vốn ông V đứng tên với tư cách là đại diện cho hộ, nhưng chỉ thể hiện bà T là thành viên. Tòa sơ thẩm chưa xác minh làm rõ anh K, chị D có phải là thành viên hộ gia đình và cùng đồng sở hữu tài sản thế chấp hay không để giải quyết đúng đắn vụ án;

Ông V là người đứng tên đại diện hộ gia đình vay vốn sử dụng mục đích chung của hộ gia đình. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông V, bà T trả lại khoản nợ,

nhưng tòa sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ liên đới trả nợ mà chỉ buộc một mình ông V trả nợ là không đúng yêu cầu nguyên đơn và Điều 27, 37 Luật hôn nhân và Gia Đình.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai để giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa rút một phần nội dung kháng nghị về việc đưa các con ông V, bà T vào tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 BLTTDS chấp nhận một phần kháng nghị và kháng cáo của nguyên đơn sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét các nội dung kháng cáo và kháng nghị thấy rằng:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo hợp đồng tín dụng số: 01596/ HĐTD ngày 29/4/2014 thì ông Nguyễn V đại diện cho hộ gia đình vay vốn để chăm sóc 3 ha điều + 500 trụ tiêu, nhằm mục đích làm ăn phục vụ đời sống gia đình; hộ gia đình ông V không có đăng ký kinh doanh, vay không vì mục đích lợi nhuận. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự, nhưng Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về kinh doanh thương mại là không đúng. Cần phải sửa lại cho phù hợp quy định pháp luật .

[2] Về tên gọi của nguyên đơn: Theo con dấu và tên gọi giao dịch thì Nguyên đơn có tên là “Ngân hàng A”. Nhưng tòa sơ thẩm đã xác định sai tên gọi của nguyên đơn là “Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng A” là không đúng. Cần sửa lại tên gọi của nguyên đơn cho đúng.

[3] Về xác định quyền sở hữu tài sản thế chấp để đưa người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (là tài sản thế chấp để vay vốn) được phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ ký chính lý tại trang 4 mang tên Hộ gia đình ông Nguyễn V và bà Vương T nhận chuyển nhượng của hộ ông Bùi H vào ngày 12/5/2009. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng hộ ông V, bà T còn có các con là anh Nguyễn K, sinh năm 1993, chị Nguyễn D, sinh năm 1995. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ anh K và chị D có đồng sử dụng và sở hữu tài sản trên hay không để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tuy nhiên trong giai đoạn xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã có văn bản thu thập chứng cứ và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện Đ có Công văn số 07/CV-CNĐC ngày 09/01/2018 cung cấp thông tin với nội dung *“Toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có văn bản nào nói người nhận chuyển nhượng là Hộ ông Nguyễn V và bà Vương T, mà thể hiện người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ông Nguyễn V và bà Vương T... nội dung chính lý tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ ngày 12/5/2009, chính lý người nhận quyền sử dụng đất là: Hộ*

ông Nguyễn V và bà Vương T là không chính xác”. Do đó xét thấy tài sản thế chấp chỉ thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông V bà T. Anh Nguyễn K và chị Nguyễn D không phải là đồng sở hữu tài sản thế chấp, nên không cần thiết đưa anh K và chị D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về xác định nghĩa vụ liên đới: Theo hợp đồng tín dụng số: 01596/HĐTD ngày 29/4/2014 được ký giữa Ngân hàng và ông Nguyễn V thì ông V ký Hợp đồng với tư cách là Chủ hộ gia đình vay vốn sản xuất cho hộ gia đình và tại Hợp đồng thế chấp số 6603/TC ngày 07/5/2013 thì bà Vương T (vợ ông V) ký với tư cách là người đồng sở hữu tài sản thế chấp. Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn V và bà Vương T phải liên đới trả số tiền nợ 171.800.000đ. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc một mình ông Nguyễn V trả nợ là không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và qui định tại Điều 103 và Điều 27, 37 Luật hôn nhân và Gia Đình.

Từ nhận định đánh giá nêu trên xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tòa án cấp sơ thẩm có các sai sót. Nhưng xét các sai sót trên khắc phục được tại tòa án cấp phúc thẩm. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai sửa Bản án sơ thẩm cho phù hợp qui định của pháp luật.

Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn Ngân hàng A và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, sửa bản số 02/2017/KDTM-ST ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng A với bị đơn ông Nguyễn V và bà Vương T.

1. Áp dụng các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 103, 299, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và Gia Đình; các Điều 147, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Nguyễn V và bà Vương T có nghĩa vụ liên đới trả cho trả cho Ngân hàng A, thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh Việt Nam huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền 177.066.945 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng*). [Trong đó gồm nợ gốc 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/10/2017 là 47.066.945 đồng (*Bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng*)]

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Bên có nghĩa vụ trả tiền còn phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn đối với số tiền chậm trả bằng 150% mức lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trường hợp ông Nguyễn V, bà Vương T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng A, thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Gia Lai có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6603/TC ngày 07/5/2013 để thu hồi nợ.

- Về án phí:

+ Hoàn trả cho Ngân hàng A, thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006729 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

+ Buộc ông Nguyễn V và bà Vương T liên đới chịu 8.853.347 đồng (*Tám triệu tám trăm năm mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đức Cơ;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Đức Cơ;
- Các đương sự;
- Lưu DS, HSVA, AV, VT

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Sinh